



TRACODI

Số: 17/2021/TTDII-HDQT-TCD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty tại Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (TRACODI) (sửa đổi, bổ sung lần thứ 3)

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty TRACODI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/ND-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ v/v quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải được Hội đồng quản trị thông qua ngày 04/02/2021 (theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 08/12/2020) (sửa đổi, bổ sung lần thứ 14);
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty tại Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (sửa đổi, bổ sung lần thứ 2) ngày 08/12/2020;

Hội đồng quản trị Công ty TRACODI kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải sửa đổi bổ sung lần thứ 3 với nội dung như sau:

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung:

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
1	Điều 2. Giải thích thuật ngữ		
	Khoản 1 Điều 2: “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán.	Khoản 1 Điều 2: 1. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp, khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán.	Để phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán.
2	Khoản 1 Điều 2: “Thành viên Hội đồng quản trị độc lập” là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau: (i) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty. (ii) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó. (iii) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; (iv) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty; (v) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty; (vi) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.	Khoản 1 Điều 2: 3. “Thành viên Hội đồng quản trị độc lập” là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau: (i) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty. (ii) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó. (iii) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; (iv) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty; (v) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty; (vi) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ.	Để phù hợp với điểm d khoản 2 Điều 155 Luật Doanh Nghiệp.
4	Điều 6. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn		

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
	<p>Khoản 3, Điều 6:</p> <p>Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật</p>	<p>Khoản 3, Điều 6:</p> <p>Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Điều lệ và pháp luật</p>	<p>Đề phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ.</p>
5	<p>Điều 7. Hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường</p>		
	<p>Khoản 1, Điều 7</p> <p>1. Công ty xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, gồm các nội dung chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông; - Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông; - Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông; - Cách thức bỏ phiếu; - Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, công ty chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu; - Thông báo kết quả kiểm phiếu; - Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông; - Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông; - Thông báo quyết định của Đại hội đồng cổ đông ra công chúng; - Các vấn đề khác. 	<p>Khoản 1, Điều 7</p> <p>1. Công ty xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, gồm các nội dung chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông; - Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp; - Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông; - Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông; - Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông: quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp); - Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông; - Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông; - Điều kiện tiến hành; - Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; - Cách thức bỏ phiếu; - Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ 	<p>Đề phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 2 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
		<p>đồng có yêu cầu, công ty chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện để nghị quyết được thông qua; - Thông báo kết quả kiểm phiếu; - Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông; - Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông; - Thông báo quyết định của Đại hội đồng cổ đông ra công chúng; - Các vấn đề khác. 	
	<p>Khoản 4, Điều 7</p> <p>4. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Khoản 4 Điều 7</p> <p>4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>
	<p>Khoản 6, Điều 7</p> <p>6. Hàng năm công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p>	<p>Khoản 6, Điều 7</p> <p>6. Hàng năm công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty</p>	<p>Để phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
		<p>phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.</p>	
6	Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông		
	<p>Điều 8</p> <p>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính; - Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; - Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị; - Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành; - Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý khác; - Các kế hoạch trong tương lai. 	<p>Điều 8</p> <p>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính; - Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; - Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị; - Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải nắm quyền kiểm soát trên năm mươi (50)% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những Người có liên quan của thành viên đó: giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; - Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả 	<p>Để phù hợp với quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
		<p>đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị; - Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành; - Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý khác; - Các kế hoạch trong tương lai. 	
7	Điều 9. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông		
	<p>Điều 9</p> <p>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải có các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát; - Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát; - Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty; - Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác; - Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông. 	<p>Điều 9</p> <p>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải có các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát; - Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị, quyết định của Ban kiểm soát; - Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty; - Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải nắm quyền kiểm soát trên năm mươi (50)% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác của doanh nghiệp và những Người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm 	<p>Đề phù hợp với khoản 2 và 4 Điều 290 Nghị định 155/2020/ND-CP.</p>

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
		giao dịch; - Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác; - Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông.	
8	<p>Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Khoản 2, Điều 10</p> <p>2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Khoản 3, Điều 10</p> <p>3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa ba (03) thành viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) thành viên; từ 50 % đến dưới 60% được đề cử tối đa (06) ứng viên; từ 60% đến 70% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>Khoản 4 Điều 10</p> <p>4. Các cổ đông sở hữu tối thiểu 5% số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong thời hạn</p>	<p>Khoản 2, Điều 10</p> <p>2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Khoản 3, Điều 10</p> <p>3. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm (5)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa ba (03) thành viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) thành viên; từ 50 % đến dưới 60% được đề cử tối đa (06) ứng viên; từ 60% đến 70% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>Khoản 4 Điều 10</p> <p>4. Các cổ đông sở hữu tối thiểu 5% số cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để</p>	<p>Đề phù hợp với khoản 1 Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p> <p>Đề phù hợp với Điều 20 Điều lệ.</p>

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
	liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	
9	Điều 11. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị		
	Khoản 3, Điều 10 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc điều hành trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	Khoản 3, Điều 10 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc điều hành.	Để phù hợp với khoản 2 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
10	Điều 12. Thành phần Hội đồng quản trị		
	Khoản 2, Điều 12 2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên nắm giữ các chức danh điều hành với các thành viên độc lập, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.	Khoản 2, Điều 12 2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành 3. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải tối thiểu hai mươi phần trăm (20%) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập..	Để phù hợp với khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
	Khoản 3 Điều 12 3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế hoặc là người đại diện của công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.	Khoản 4 Điều 12 Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác.	Để phù hợp với Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
11	Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị		

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
		<p>Bổ sung Khoản 5, Điều 13</p> <p>5. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải nắm quyền kiểm soát trên năm mươi (50)% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p>	<p>Để phù hợp với điểm d khoản 2 Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>
12	Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị		
	<p>Khoản 1, Điều 14</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan.</p>	<p>Khoản 1, Điều 14</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty.</p>	<p>Để phù hợp với Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ.</p>
	<p>Khoản 4, Điều 14</p> <p>a. Trình tự thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem xét tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị; - Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. - Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị; - Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; - Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị. <p>b. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:</p>	<p>Khoản 4, Điều 14</p> <p>a. Trình tự thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị; - Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị; - Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. - Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị; - Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm hay bổ sung thành viên Hội đồng quản trị; 	<p>Để phù hợp với Khoản 2 và Khoản 4 Điều 3 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo họp Hội đồng quản trị (Gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan, và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp); - Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị; - Cách thức biểu quyết; - Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị; - Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị; - Thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị; - Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; - Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị; - Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. <p>b. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm; - Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường; - Thông báo họp Hội đồng quản trị (Gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan, và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp); - Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát; - Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị; - Cách thức biểu quyết; - Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị; - Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị; - Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị; - Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị; - Thông báo biên bản họp, quyết định của Hội đồng quản trị. - Thông báo nghị quyết Hội 	

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
		đồng quản trị.	
		Bổ sung Khoản 7, Điều 14 7. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.	Để phù hợp với khoản 5 Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
13	Điều 15. Hợp Hội đồng quản trị		
	Khoản 2, Điều 15 2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	Khoản 2, Điều 15 2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	Để phù hợp với khoản 2 Điều 279 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
14	Điều 17. Thư ký Công ty		
		Bổ sung điểm a khoản 2 Điều 17 a) Thư ký Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và Cổ Đông.	Để phù hợp Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
15	Điều 19. Tư cách thành viên Ban kiểm soát		
	Khoản 2, Điều 19 2. Thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.	Khoản 2, Điều 19 2. Thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang và/hoặc đã được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.	Để phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
16	Điều 22. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát		
	Khoản 4, Điều 22	Khoản 4, Điều 22	Để phù hợp với

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
	<p>4. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.</p>	<p>4. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p>	<p>Luật Chứng khoán và Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>
	<p>Khoản 5, Điều 22 5. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.</p>	<p>Khoản 5, Điều 22 5. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p>	<p>Đề phù hợp với khoản 1 Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>
17	<p>Điều 24. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác</p>		
	<p>Khoản 3, Điều 24 3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ</p>	<p>Khoản 3, Điều 24 3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi (50)% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp</p>	<p>Đề phù hợp với khoản 3 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>

STT	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ
	đồng hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	
	Khoản 4, Điều 24 4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các thành viên nêu trên, trừ trường hợp (i) Công ty và tổ chức có liên quan đến thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế; (ii) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; (iii) pháp luật chuyên ngành có quy định khác.	Khoản 4, Điều 24 4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các thành viên nêu trên, trừ trường hợp (i) Công ty và tổ chức có liên quan đến thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế; (ii) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; (iii) pháp luật chuyên ngành có quy định khác.	Đề phù hợp với Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
	Khoản 6, Điều 24 6. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	Khoản 6, Điều 24 6. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố, thông tin nội bộ của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan	Đề phù hợp với khoản 5 Điều 292 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
18	Điều 30. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành		
	Khoản 1, Điều 30 1. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trước.	Khoản 1, Điều 30 1. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.	Đề phù hợp với khoản 1 Điều 299 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

2. Hiệu lực của Quy chế sửa đổi, bổ sung:

- Các điều khoản còn lại được giữ nguyên, không thay đổi.
- Quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (sửa đổi, bổ sung lần thứ 3) có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- DIHDCD;
- Lưu: HDQT, P. HTKD.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồ Nam

